

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ CÀ MAU
TỈNH CÀ MAU**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **111/2020/HS-ST**
Ngày 23 – 6 – 2020

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ CÀ MAU, TỈNH CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thúy Dung

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Võ Thanh Liêm.

Ông Huỳnh Hoàng Khởi.

- Thư ký phiên tòa: Ông Trần Đình Chưởng, là Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau tham gia phiên tòa: Ông Châu Long – Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 6 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 116/2020/TLST-HS ngày 27 tháng 5 năm 2020 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 384/2020/QĐXXST-HS ngày 04 tháng 6 năm 2020 đối với bị cáo:

Họ và tên: Nguyễn Thị D, sinh năm 1995, tại Cà Mau.

Nơi cư trú: Khóm 4, phường 7, thành phố C, tỉnh Cà Mau; nghề nghiệp: Làm thuê; trình độ văn hóa: 8/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nữ; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Văn Kế và bà Lê Thị Huyền (cả 2 còn sống); có chồng tên Nguyễn Thành Long, sinh năm 1992 và 02 người con (lớn nhất sinh năm 2015, nhỏ nhất sinh năm 2016); tiền án: Không; tiền sự: Không; Nhân thân: cho đến ngày thực hiện hành vi phạm tội, chưa có án tích hay bị xử phạt, xử lý vi phạm hành chính. Bị cáo bị cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 09/3/2020 cho đến nay. (Bị cáo có mặt).

Bị hại: Chị Đỗ Thị Kim C, sinh năm: 1997.

Nơi cư trú: Khóm 7, phường 8, thành phố C, tỉnh Cà Mau (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào khoảng 18 giờ, ngày 13 tháng 01 năm 2020, chị Đỗ Thị Kim C là nhân viên của quán nhậu Rồng Vàng thuộc khóm 1, phường Tân Thành, thành phố Cà Mau có để một cái cặp màu hồng, dây đeo màu vàng, bên trong cặp có số tiền Việt Nam là 5.208.000 đồng trong phòng nghỉ dành cho nhân viên của quán rồi chị C đi trực bàn nhậu. Đến khoảng 20 giờ 30 phút cùng ngày, Nguyễn Thị D cũng là nhân viên của quán đi vào phòng để nằm nghỉ. Khi vào phòng thì D phát hiện có một cái cặp màu hồng đang để trên giường nên D nảy sinh ý định lấy trộm tài sản trong cặp. Để thực hiện hành vi D nằm xuống giường rồi dùng mền đắp lên người mình và cái cặp. Sau đó, D dùng chân kéo cái cặp lên rồi dùng tay mở cặp lấy hết tiền bên trong.

Đến khoảng 22 giờ cùng ngày D đi về nhà và lấy tiền ra đếm được 5.208.000 đồng. Còn chị C sau khi trực bàn xong thì vào phòng mở cặp ra xem thì phát hiện mất tiền nên báo với chị Pha quản lý để chị Pha xem lại camera trong phòng nghỉ. Khi xem camera thì phát hiện D lấy trộm tài sản của chị C. Đến ngày 16 tháng 01 năm 2020, chị C đến công an phường Tân Thành, thành phố Cà Mau trình báo sự việc. Công an phường Tân Thành, thành phố Cà Mau mời D làm việc tại Công an phường D thừa nhận hành vi phạm tội. Công an tiến hành kiểm tra và tạm giữ của D số tiền 1.500.000 đồng. Hiện nay, D đã khắc phục đủ số tiền mà D đã lấy của chị C. Chị Đỗ Thị Kim C đã nhận lại số tiền bị mất trộm và không có yêu cầu gì về trách nhiệm dân sự. Về trách nhiệm hình sự: Quá trình điều tra, ngày 20 tháng 01 năm 2020 chị Đỗ Thị Kim C có đơn yêu cầu bãi nại cho bị cáo.

Vật chứng vụ án: Số tiền 1.500.000 đồng tạm giữ của bị cáo D là số tiền bị cáo trộm của chị C. Quá trình điều tra bị cáo đã khắc phục toàn bộ số tiền đã lấy của chị C nên ngày 17 tháng 3 năm 2020, Công an thành phố Cà Mau đã trả lại cho D số tiền nói trên nên không đặt ra yêu cầu xem xét giải quyết về trách nhiệm dân sự.

Quá trình điều tra bị cáo thừa nhận có hành vi lén lút lấy trộm tài sản của chị C số tiền 5.208.000 đồng.

Tại Cáo trạng số 122/CT-VKS ngày 27/5/2020 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Cà Mau truy tố bị cáo Nguyễn Thị D về tội “Trộm cắp tài sản” theo khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa, Kiểm sát viên đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Cà Mau thực hành quyền công tố, kiểm sát xét xử vẫn giữ nguyên quyết định truy tố đối với Nguyễn Thị D theo cáo trạng số: 122/CT-VKS ngày 27 tháng 5 năm 2020 và đề nghị:

Về tội danh: Tuyên bố bị cáo Nguyễn Thị D phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

Về hình phạt: Căn cứ khoản 1 Điều 173; Điểm b, h, i, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51, Điều 65 của Bộ luật hình sự năm 2015; Nghị quyết số 02/2018/NQ – HĐTP ngày 15/5/2018 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Thị D từ 01 năm đến 01 năm 06 tháng tù, cho bị cáo hưởng án treo, thời gian thử thách từ 02 năm đến 03 năm tù.

Về trách nhiệm dân sự: Bị hại đã nhận đủ số tiền bị mất trộm và không có yêu cầu gì nên không đặt ra xem xét.

Về xử lý vật chứng: Đối với số tiền 1.500.000đ đã trả lại cho bị cáo nên không đặt ra việc xử lý.

Bị cáo thừa nhận hành vi đã thực hiện nên thống nhất với luận tội của Kiểm sát viên, không có ý kiến gì khác. Bị cáo xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo được hưởng án treo để bị cáo còn lo cho các con của bị cáo.

Căn cứ vào các chứng cứ và tài liệu đã được thẩm tra tại phiên tòa; trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ, ý kiến của Kiểm sát viên, lời khai của bị cáo, bị hại.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an thành phố Cà Mau, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân thành phố Cà Mau, Kiểm sát viên Quá trình điều tra, bị cáo, bị hại không có ý kiến hoặc khiếu nại hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, Hội đồng xét xử xét thấy các hành vi, quyết định tố tụng của Điều tra viên, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố là hợp pháp, được thực hiện đúng theo trình tự, thủ tục của Bộ luật Tố tụng hình sự quy định.

[2] Đối với bị hại là chị Đỗ Thị Kim C vắng mặt tại phiên tòa. Hội đồng xét xử xét thấy việc vắng mặt của bị hại không ảnh hưởng đến nội dung xét xử vụ án nên căn cứ quy định tại Điều 292 của Bộ luật Tố tụng hình sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt chị C theo luật định.

[3] Về hành vi phạm tội: Tại phiên tòa bị cáo D khai nhận khi bị cáo vào phòng nghỉ dành cho nhân viên của quán, phát hiện cái cặp màu hồng nên nảy sinh ý định trộm cắp tài sản trong cặp nhằm mục đích tiêu xài cá nhân đúng như cáo trạng đã truy tố.

[4] Xét lời khai nhận của bị cáo tại phiên tòa, phù hợp với lời khai của bị cáo tại cơ quan điều tra, phù hợp với lời khai của bị hại và các tài liệu chứng cứ khác trong hồ sơ vụ án. Do đó, Cáo trạng số 122/CT-VKS ngày 27/5/2020 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Cà Mau truy tố bị cáo theo khoản 1 Điều 173 của Bộ luật hình sự là có căn cứ.

[5] Hành vi của bị cáo gây ra là nguy hiểm cho xã hội, đã trực tiếp xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của người khác một cách bất hợp pháp, hành vi đó đủ yếu tố cấu thành tội “Trộm cắp tài sản”. Hành vi của bị cáo không những đã xâm phạm đến tài sản của người khác được pháp luật bảo vệ mà còn gây hoang mang, bất ổn trong quần chúng nhân dân và làm mất an ninh, trật tự tại địa phương. Khi thực hiện hành vi phạm tội, bị cáo có đủ năng lực trách nhiệm hình sự, bị cáo biết rõ việc chiếm đoạt tài sản của người khác là vi phạm pháp luật.

Nhưng vì lòng tham, muốn hưởng lợi trên sức lao động của người khác mà bị cáo đã thực hiện phạm tội với lỗi cố ý trực tiếp. Vì vậy, cần có hình phạt tương xứng với tính chất, mức độ của hành vi bị cáo gây ra. Bị cáo là người có nhân thân tốt, không tiền án, không tiền sự, tính đến thời điểm xét xử, bị cáo không bị khởi tố về hành vi phạm tội nào khác. Hiện tại, bị cáo đã ly thân chồng hiện phải nuôi hai con còn nhỏ sinh năm 2015, 2016 đang tuổi ăn học, bị cáo có nơi cư trú rõ ràng, đang có việc làm ổn định tại địa phương. Thời gian cư trú tại địa phương, bị cáo chấp hành tốt pháp luật được Công an nơi bị cáo sinh sống xác nhận nên cần xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo khi lượng hình. Từ những tình tiết nêu trên, Hội đồng xét xử xét thấy không cần cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội mà tạo điều kiện cho bị cáo cải tạo trong môi trường hoà nhập cộng đồng, để bị cáo có điều kiện lao động lo cho các con nhỏ đang ăn học. Như thế vẫn đảm bảo tính giáo dục, răn đe đối với bị cáo, đồng thời thể hiện tính khoan hồng của pháp luật. Không cần phải bắt bị cáo chấp hành hình phạt tù, vì bị cáo nhất thời phạm tội, có khả năng tự cải tạo; việc cho bị cáo hưởng án treo không gây nguy hiểm cho xã hội; không ảnh hưởng xấu đến an ninh, trật tự, an toàn xã hội, nên giao bị cáo về Ủy ban nhân dân phường 7, thành phố Cà Mau nơi bị cáo cư trú để giám sát, giáo dục bị cáo trong thời gian thử thách.

[6] Tuy nhiên, trong quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa, bị cáo đã tự nguyện khắc phục hậu quả là trả lại toàn bộ số tiền chiếm đoạt cho bị hại; Số tiền bị cáo chiếm đoạt không lớn; bị cáo phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng. Tại phiên tòa, bị cáo tỏ ra thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; người bị hại có đơn bãi nại cho bị cáo nên bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo quy định tại điểm b, h, i, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 của Bộ luật hình sự nên Hội đồng xét xử có xem xét giảm nhẹ cho bị cáo khi quyết định hình phạt.

[7] Về trách nhiệm dân sự: Người bị hại là chị Đỗ Thị Kim C đã nhận lại đủ số tiền bị chiếm đoạt, không yêu cầu bị cáo bồi thường gì thêm nên không đặt ra xem xét.

[8] Về xử lý vật chứng: Quá trình điều tra, Cơ quan điều tra Công an thành phố Cà Mau đã xử lý xong nên không đề cập xem xét.

[9] Án phí hình sự sơ thẩm: Bị cáo phải nộp án phí hình sự theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Khoản 1 Điều 173; Điểm b, h, i, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51, Điều 65 của Bộ luật hình sự;

Căn cứ vào Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự;

Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên bố bị cáo Nguyễn Thị D phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Thị D 01 (một) năm tù, cho bị cáo hưởng án treo, thời gian thử thách 02 (hai) năm, thời hạn tính từ ngày tuyên án. Giao bị cáo cho Ủy ban nhân dân phường 7, thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau để giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách. Trong trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định của pháp luật về Thi hành án hình sự.

“Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo”.

Án phí hình sự sơ thẩm, bị cáo Nguyễn Thị D phải chịu 200.000 đồng, nộp tại Chi cục thi hành án dân sự thành phố Cà Mau (chưa nộp).

Bị cáo có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Người bị hại có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Bị cáo;
- Bị hại;
- TAND tỉnh Cà Mau;
- VKSND tỉnh Cà Mau;
- VKSND Tp. Cà Mau;
- UBND phường 7, thành phố Cà Mau;
- Cơ quan CSĐT Công an Tp. Cà Mau;
- Chi cục Thi hành án dân sự Tp. Cà Mau;
- Lưu: Hồ sơ, văn thư.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)**

Lê Thúy Dung